

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/DS-ST
Ngày: 13-8-2020
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền
2. Ông Mai Hòa Phúc

- Thư ký phiên tòa: Trương Thị Hồng Cẩm- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2020/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông N T T, sinh năm 1969 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 22/8/2020)

Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Hòa Long 2, TT An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông N V T, sinh năm 1965 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 08, ấp Hòa Thành, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/01/2020, quá trình tố tụng nguyên đơn ông NTT trình bày:

Ông NVT có vay của ông số tiền 120.000.000 đồng hai bên có làm tờ biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 26/7/2017, lãi suất tự thỏa thuận miệng, thời gian vay 1 tuần, sau một tuần ông Trung không thực hiện theo giao kết, ông có

gặp nhắc nhở ông T và đã trả cho ông nhiều lần với số tiền 66.000.000đ vốn hai bên kết sổ ông T trả đến tháng 02/2018. Sau này ông có gặp yêu cầu ông T trả tiếp số tiền còn lại nhưng ông T tránh né không thanh toán cho ông, hiện nay ông T còn nợ ông số tiền 54.000.000đ và lãi suất. Nay ông yêu cầu ông T toán cho ông số tiền 54.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông T trả lãi suất chậm thanh toán, nay ông rút lại yêu cầu không yêu cầu tính lãi.

*Tại tờ tự khai ngày 04/3/2020 bị đơn ông NVT trình bày:

Ông xác nhận có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng để ông đáo hạn ngân hàng, thời gian vay 20 ngày lãi suất hai bên tự thỏa thuận, sau đó ông không vay được, ngày 26/7/2017 ông T kêu ông làm biên nhận để nhận nợ có vay 120.000.000 đồng (trong đó vốn 100.000.000đ, lãi 20.000.000đ), ngày 19/11/2017 ông đã trả cho ông T số tiền 120.000.000 đồng và ông T tính lãi là 114 ngày ông đã trả được 90 ngày lãi (ông không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu) còn 24 ngày lãi ông chưa đóng cho ông T, sau đó hai bên thỏa thuận ông còn nợ 30.000.000 đồng tiền lãi. Ông đồng ý trả số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu ông T trả lại biên nhận nợ ngày 26/7/2017 nhưng ông T không trả nên ông Tâm căn cứ vào tờ biên nhận khởi kiện ông tại tòa án. Nay ông T yêu cầu ông trả số tiền 54.000.000đ ông không đồng ý, ông xác nhận còn nợ tiền lãi 30.000.000 đồng ý trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa ông NTT với ông NVT là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Ông T có nơi cư trú tại ấp Hòa Thành, xã Hòa Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3 Về sự có mặt của các đương sự:

Đối với nguyên đơn ông T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, ngày 12/8/2020 ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Hợp đồng vay tài sản giữa ông NTT với ông NVT trên thực tế đã có phát sinh, sự việc được chứng minh tại tờ biên nhận nhận nợ ngày 26/7/2017 của các bên đương sự. Nguyên đơn ông T cho rằng ông T vay số tiền 120.000.000 đồng, sau khi vay xong ông T không thực hiện theo thỏa thuận, hiện nay còn nợ ông

54.000.000 đồng, ông khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 54.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Ông T xác nhận có vay ông T 100.000.000 đồng, lãi hai bên tự thỏa thuận trong thời gian vay ông không trả cho ông T đúng như thỏa thuận nên ông T và ông T có gặp nhau viết biên nhận nợ ngày 26/7/2017 với số tiền 120.000.000 đ (trong đó có tiền lãi), đến ngày 19/11/2017 ông T trả cho ông T 120.000.000 đồng và xác nhận còn nợ lại tiền lãi là 30.000.000 đồng, ông đồng ý trả 30.000.000đ nên xảy ra tranh chấp.

Xét về mối quan hệ tranh chấp trên, hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn là người có lỗi không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là khi đến hạn trả phải thanh toán và trả lãi đúng theo thỏa thuận và trả vốn khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc ông T yêu cầu ông T trả số tiền vốn vay còn lại là 54.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên, buộc ông NVT phải thanh toán cho ông T số tiền vốn là 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng).

Đối với lời trình bày của ông T cho rằng ông còn nợ 30.000.000 đồng tiền lãi là không có cơ sở. Đối chiếu tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự việc ông T không đưa ra được chứng cứ hoặc không đầy đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã được thu thập được, do đó không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 19, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án:

- Yêu cầu khởi kiện của ông NTT được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông NVT phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, 184, khoản 1 Điều 228, 235, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 263 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 19, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NTT.

- Buộc ông NVT phải trả cho bà ông NTT số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông NVT phải chịu 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông T được nhận lại số tiền 1.350.000đ 000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0006610 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Quyền kháng cáo: Ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/8/2020). Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Chung